

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ QUYỀN ĐƯỢC THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN

*Cao Đình Lành**

Công ty cổ phần (CTCP) là một hình thức tổ chức kinh doanh ra đời, tồn tại và phát triển trong những điều kiện lịch sử và xã hội nhất định. Sự hình thành và phát triển của CTCP gắn liền với sự hình thành của thị trường vốn, thị trường tiền tệ. Đối với Việt Nam, sau khi chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, đã ban hành Luật Công ty năm 1990 và 9 năm sau ban hành Luật Doanh nghiệp để thay thế Luật Công ty năm 1990 và vừa rồi ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2005. Trong các văn bản nêu trên, thì CTCP là loại hình doanh nghiệp được quy định chi tiết nhất. Bởi vì, CTCP là loại hình tổ chức doanh nghiệp có “độ phức tạp cao”, có những mối quan hệ đa dạng trong khi đó bản thân công ty là một trong những loại hình tổ chức kinh doanh phổ biến hiện nay.

Một trong những đặc trưng cơ bản của CTCP là công ty có tư cách pháp nhân độc lập. Điều đó có nghĩa là bản thân công ty là một chủ thể pháp luật, là chủ sở hữu của tài sản công ty, là chủ và con nợ đối với các quyền đòi hỏi của công ty và các khoản nợ của công ty. Bản thân công ty là nguyên đơn hoặc bị đơn trong tố tụng. Các thành viên gọi là cổ đông chỉ có “quyền sở hữu kinh tế” đối với phần vốn mà họ đã góp vào công ty bằng việc mua cổ phần thông qua quy chế thành viên, được quyền chia lợi nhuận và phần tài sản còn lại khi công ty giải thể, quyền mua cổ phần khi công ty phát hành thêm cổ phần.

Là một pháp nhân, CTCP phải có cơ cấu tổ chức của một tổ chức độc lập đối với các cổ đông đứng đằng sau nó.

Như vậy, chế định pháp nhân tạo điều kiện cho những người cùng nhau theo đuổi một mục đích kinh doanh giới hạn sự rủi ro vào phần vốn góp của họ. Nhưng cũng chính

điều đó làm nảy sinh nhiều vấn đề cần được pháp luật điều chỉnh. Bởi vì, chế định pháp nhân tạo nên một chủ thể độc lập để tham gia vào các quan hệ pháp luật, mà những người đứng sau nó có thể sử dụng điều này cho những hoạt động phương hại đến xã hội, chẳng hạn để gây thiệt hại cho người đầu tư vốn hoặc các chủ nợ hoặc để né tránh pháp luật. Do đó, mối quan hệ giữa công ty và các cổ đông hoặc các bên liên quan đòi hỏi phải minh bạch, lợi ích của các bên phải hài hòa. Đây là một thách thức tất yếu của doanh nghiệp khi đã phát triển đến một trình độ nhất định và tạo vị thế phát triển bền vững trên thương trường. Để dự đoán trước sự vận động của thị trường, cũng như kiểm soát của nhà đầu tư đối với các hoạt động của công ty, nhà đầu tư đòi hỏi có các thông tin chính xác và kịp thời nhằm trước hết bảo đảm sự vận hành an toàn và trôi chảy của các giao dịch thương mại và để bảo vệ nhà đầu tư khỏi những thiệt hại không lường trước được. Đồng thời, nó cũng hữu ích để duy trì sự tin cậy của bản thân nhà đầu tư thông qua việc kiểm soát các hành vi trục lợi từ người điều hành và cổ đông chi phối. Hoàn toàn không thể đầu tư có hiệu quả và càng khó thành công hơn rất nhiều trong một cuộc chơi mà các nhà đầu tư mù mờ về thông tin và sự yếu kém của hệ thống pháp luật. Do đó, pháp luật cần phải có những quy định về quyền được thông tin của cổ đông và chế tài thích hợp nếu công ty vi phạm vào quyền được thông tin của cổ đông, cũng như, cổ đông cần phải hiểu biết và vận dụng về quyền được thông tin của mình. Về vấn đề này, chúng tôi có một vài ý kiến sau:

1. Từ góc độ pháp luật

Công ty cổ phần không phải là sự tập hợp đơn thuần của cổ đông mà là một thực thể thống nhất có tổ chức chặt chẽ. Bản thân

* Ths. Luật học, Khoa Luật, Đại học Huế.

công ty là một pháp nhân độc lập với đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Và vì thế, nó là một bên trong các quan hệ giao dịch. Tuy nhiên, bản thân công ty không thể quyết định được ý chí của mình hay tự mình hành động như một thể nhân. Ý chí và hành vi của những thể nhân giữ cương vị nhất định trong công ty được xem là ý chí và hành vi của công ty¹. Chính vì thế, trong công ty đã xuất hiện sự tách biệt giữa người sở hữu cổ phần và những người điều hành.

Để bảo đảm rằng, các nhà quản lý không đi ngược lại lợi ích của mình và đảm bảo cho cổ đông quản lý, giám sát một cách tốt nhất với các nhà quản trị điều hành công ty, các cổ đông đã thành lập ra bộ máy điều hành hoạt động công ty và xác lập bằng cơ chế phân quyền, định rõ quyền hạn, nghĩa vụ giữa các thành viên, cơ quan trong công ty như các cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Giám đốc điều hành. Các cơ quan này có sự độc lập tương đối trong hoạt động và chi phối lẫn nhau, cũng như mang đến cho cổ đông hay các thành phần khác như người lao động và chủ nợ một phương tiện tiếp cận thông tin đáng tin cậy hay tham gia trực tiếp vào việc ra quyết định của công ty.

Thực tiễn hoạt động công khai thông tin đối với cổ đông trước khi Luật Doanh nghiệp năm 2005 có hiệu lực, mặc dù cũng được thực hiện song chúng không được phổ biến rộng rãi và công khai, hoặc trong các trường hợp được phổ biến thì khả năng tiếp cận của các nhà đầu tư khác nhau cũng không giống nhau, dẫn đến tình trạng mất đối xứng thông tin và bất bình đẳng về khả năng tiếp cận các thông tin này giữa các nhà đầu tư. Chẳng hạn, đối tượng của quyền tìm đọc và được thông tin bị giới hạn trong phạm vi "xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông, có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông" (điểm c khoản 2 Điều 53 Luật Doanh nghiệp năm 1999). Hơn nữa, chính sách thuế thường xuyên phải thay đổi, không rõ ràng và phụ thuộc quá nhiều vào cán bộ thuế; cơ

chế quản lý xã hội chưa có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy và bảo hộ cho những doanh nghiệp cố gắng nâng cao tính minh bạch trong quản lý; hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của các công ty chưa được phát triển; nhiều nhà quản lý không muốn công khai tài chính doanh nghiệp vì sợ các đối thủ cạnh tranh sẽ lợi dụng thông tin công bố để gây bất lợi cho họ; các công ty tư nhân thường xuyên phải đối mặt với tệ quan liêu quá lớn; đại đa số người quản lý chưa hiểu được giá trị và tầm quan trọng của quản trị minh bạch đối với sự tồn tại, phát triển và nâng cao uy tín và sức cạnh tranh của doanh nghiệp... Trong một môi trường như vậy, các công ty đã tự cô mình lại và việc này đã cản trở mức độ công khai và tính minh bạch: Việc này làm tăng thêm rủi ro cho các nhà đầu tư do báo cáo tài chính thiếu chính xác và có khi gian lận trong công ty thì các cổ đông khó mà nhận biết được.

Xét về khía cạnh quyền được thông tin của cổ đông, Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã thiết lập được những cơ chế hợp lý (so với Luật Doanh nghiệp năm 1999) để bảo vệ quyền của cổ đông như thông qua việc dự liệu cơ chế thông tin cho cổ đông.

Đây là quyền quan trọng nhằm giúp cổ đông bảo vệ lợi ích của mình thông qua việc được nhận các thông tin liên quan như: xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông, có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và các nghị quyết của ĐHCĐ; (điểm e khoản 1 Điều 79); nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau đây: xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của hội đồng quản trị (HĐQT), báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; yêu cầu triệu tập họp ĐHCĐ; yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý,

¹ Luật Nhật Bản, Tập II: 1997-1998 (2000), Nxb. Thanh niên, tr.726-727.

điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; quy định về việc kiểm soát các hợp đồng với người có liên quan như quy định về kiểm soát giao dịch tư lợi, như hợp đồng, giao dịch phải được ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận (Điều 120).

Tuy vậy, theo chúng tôi có vấn đề sau đây chưa được Luật làm rõ (do đây là nhóm quyền quan trọng nên các cổ đông hay sử dụng vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc ra quyết định của họ): đó là, quyền tiếp cận thông tin của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có quyền xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát (điểm b khoản 2 Điều 79).

Việc cổ đông thực hiện các quyền như: biểu quyết, bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự, kiểm soát hoạt động kinh doanh, quyết định mua bán cổ phiếu ... đều phải dựa trên cơ sở nắm bắt đầy đủ các thông tin về tài chính và kinh doanh của công ty. Vì vậy, Luật Công ty các nước đều quy định cổ đông có quyền tìm đọc tài liệu và được thông báo thông tin hữu quan của công ty, quy định quyền tìm đọc và được thông tin của cổ đông không bị tước bởi Điều lệ công ty.

Nhưng pháp luật cũng không quy định cho tất cả các cổ đông quyền tìm đọc và được biết bất cứ một thông tin nào, mà thông thường có sự hạn chế về mức số cổ phần tối thiểu mà một cổ đông cần phải nắm giữ. Điều 44 của Luật Công ty cổ phần Nhật Bản quy định: "1) Cổ đông nắm giữ trên 1/10 tổng số cổ phần có quyền yêu cầu xem và sao chép sổ kế toán và tài liệu tài chính của công ty. 2) Điều lệ công ty có thể quy định rằng các cổ đông đều có quyền yêu cầu nêu trên". Luật Thương mại Hàn Quốc quy định cổ đông nắm giữ 3% tổng số cổ phần có quyền yêu cầu tìm đọc sổ sách kế toán².

Thiết nghĩ, minh bạch về thông tin là quan trọng đối với sự phát triển của công ty. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp năm 2005 nên xác định rõ ràng thông tin nào cần được công bố, cần được báo cáo, thông tin nào thuộc về bí mật của doanh nghiệp. Bởi theo chúng tôi, đối với những nghị quyết của HĐQT, biên bản ghi chép về các vấn đề kinh doanh trọng yếu và bí mật của công ty đã được thảo luận và báo cáo tại cuộc họp mà nếu công bố công khai sẽ gây thiệt hại cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty liên kết. Do vậy, về quyền tiếp cận thông tin như sổ sách và hồ sơ công ty, các biên bản họp ĐHCĐ và HĐQT của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty, cần phải được thực thi trong điều kiện có một cơ chế giảm thiểu sự lạm dụng (có thể kèm các điều kiện). Chẳng hạn, cổ đông muốn tiếp cận sổ sách, tài liệu phải thông báo trước trong một thời hạn nhất định; mục đích tiếp cận thông tin phải chính đáng; không cho phép cổ đông mang sổ sách, tài liệu ra khỏi công ty... Ngoài ra, cho phép công ty có thể tự bảo vệ quyền lợi của mình bằng quyền từ chối yêu cầu tiếp cận thông tin của cổ đông trong trường hợp cần bảo vệ bí mật thương mại, bảo vệ các thông tin kinh doanh mật khác...

2. Từ góc độ cổ đông

Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã phát triển thêm những đổi mới và tiến bộ về bảo vệ quyền lợi của cổ đông (so với Luật Doanh nghiệp năm 1999). Trong Luật có các quy định nhằm giúp cổ đông bảo vệ lợi ích của mình thông qua việc được nhận các thông tin liên quan như: xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông, có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp ĐHCĐ và các nghị quyết của ĐHCĐ và cơ chế giám sát HĐQT của chủ

² Ngô Viễn Phú, Nghiên cứu so sánh quản lý công ty cổ phần theo pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Luận án tiến sĩ, Hà Nội, 2004, tr. 53.

sở hữu trong cơ chế quản trị công ty... Đó là cơ sở pháp lý quan trọng và cụ thể nhất cho hoạt động của quản trị doanh nghiệp hiện nay. Tuy nhiên, trên thực tế cho thấy, trong thời gian qua đã xảy ra không ít vi phạm các quyền cơ bản của cổ đông. Việc phân lớn cổ đông không tiếp cận được với thông tin của công ty hoặc không tiếp cận được thông tin đầy đủ, chính xác và trung thực là hiện tượng phổ biến. Cổ đông thiểu số hầu như không nhận được thông báo về các quyết định của ĐHĐCĐ, không nhận được tóm tắt báo cáo tài chính hàng năm, không nhận được cả thông báo về việc trả cổ tức... Có thể lý giải cho hiện tượng này là:

Thứ nhất: sự thiếu hiểu biết về pháp luật của cổ đông

Tại các công ty cổ phần nói chung, các cổ đông chưa có ý thức trách nhiệm về phần vốn góp của mình cũng như chưa có ý thức làm chủ. Những cổ đông là người lao động trong công ty thì trên thực tế chỉ quan tâm đến tỷ lệ chia cổ tức. Việc thiếu hiểu biết pháp luật dẫn đến tình trạng là nhiều cổ đông đứng trước những tình huống, sự kiện nhất định không biết giải quyết như thế nào về mặt pháp luật.

Thứ hai: có sự mất cân đối về thông tin giữa các chủ sở hữu công ty và người trực tiếp điều hành công ty

Với tư cách là sở hữu chủ của công ty, các cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (trừ các cổ đông ưu đãi hoàn lại và cổ đông ưu đãi cổ tức), tham gia vào quá trình ra quyết định, quản lý và điều hành công ty bằng việc tham dự họp ĐHĐCĐ và biểu quyết tán thành hoặc phản đối đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Quyết định của ĐHĐCĐ chính là quyết định của công ty, nó có hiệu lực ràng buộc các cổ đông, người quản lý và các cơ quan khác trong công ty, tất nhiên các quyết định đó không được trái với pháp luật và Điều lệ công ty. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Điều đó có nghĩa, ĐHĐCĐ quyết định vấn đề căn cứ vào ý chí của những cổ đông

chiếm giữ đa số cổ phần của công ty. Chính vì thế, nhóm cổ đông sở hữu đa số cổ phần hoàn toàn có thể kiểm soát được doanh nghiệp. Khi một nhóm có ảnh hưởng vượt trội thì việc thiết kế và thực hiện các chính sách trong công ty có thể bị làm thiên lệch theo hướng có lợi cho họ bằng những cách thức chính thức hoặc phi chính thức, kiểm soát khả năng tiếp cận thông tin hoặc sử dụng hàng loạt các chiến lược khác nữa. Trong khi đó, điểm bất lợi mà các cổ đông thiểu số gặp phải bắt nguồn từ sự bất cân đối thông tin và các thiết chế cần thiết để giám sát các giao dịch tư lợi được thực hiện bởi các cổ đông đa số. Do đó, cổ đông thiểu số thường dễ bị bóc lột.

3. Tăng cường tính minh bạch trong các thoả thuận giữa cổ đông và công ty thông qua Điều lệ công ty

Để quản lý những xung đột có thể nảy sinh và tăng thiện chí cho các nhà đầu tư cần phải bảo đảm rằng các bên đã định rõ các quyền và có thể thực thi chúng. Một môi trường pháp lý vững chắc và việc thực thi kiên quyết là điều quan trọng để kiểm chế các hành vi trục lợi, đảm bảo đối xử công bằng với tất cả các cổ đông và tạo dựng độ tin cậy cho các nhà đầu tư.

Trong cơ chế thị trường, luật về tổ chức doanh nghiệp có vai trò là các luật "tự hành". Tính tự hành của luật về tổ chức doanh nghiệp dựa trên quan điểm tôn trọng quyền tự do phát triển của các chủ thể kinh doanh, cụ thể nhất là tôn trọng quyền tự do kinh doanh. Do đó, nội dung của quyền cổ đông không chỉ bó hẹp trong các quyền mà Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định mà còn bao gồm các quyền được quy định trong Điều lệ công ty, trong quy chế và hồ sơ pháp lý khác.

Luật Doanh nghiệp năm 2005 xem Điều lệ công ty là một tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ đăng ký kinh doanh. Bản Điều lệ này do các cổ đông sáng lập công ty lập ra, là bản cam kết của tất cả các cổ đông về việc thành lập, tổ chức, quản lý và hoạt động của công ty. Điều lệ công ty chi phối toàn bộ đời sống pháp lý của công ty.

Bản Điều lệ là sự cụ thể hóa Luật Doanh nghiệp vào hoàn cảnh cụ thể của một doanh nghiệp. Và khi các cổ đông của một công ty tranh chấp thì phải căn cứ vào bản Điều lệ trước để xem xét ai đúng, ai sai, nếu bản Điều lệ thiếu thì mới xem đến Luật Doanh nghiệp.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005, thì nội dung chủ yếu của Bản Điều lệ phải tuân thủ Điều 22. Điều đó có nghĩa, ngoài những vấn đề bị luật pháp ràng buộc không thể làm khác được thì các vấn đề cụ thể khác luật để dành cho các công ty tự điều chỉnh thông qua Điều lệ công ty mình.

Vì vậy, việc xây dựng một Điều lệ công ty thể hiện được những quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông, hạn chế các hành vi gian lận,

giao dịch ở cấp quản lý hoặc với cổ đông kiểm soát, các quy định công khai thông tin đối với cổ đông v.v. phụ thuộc vào yêu cầu cụ thể của từng công ty cũng như nhu cầu, nguyện vọng của các cổ đông, các quy định ràng buộc của pháp luật và tinh thần trách nhiệm trong việc soạn thảo, thảo luận và thông qua Điều lệ công ty. Tránh tư tưởng ý lại vào các quy định của pháp luật coi việc xây dựng Điều lệ công ty chỉ để đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Điều lệ công ty càng đầy đủ, càng chi tiết và phù hợp với thực tế khách quan thì sẽ hạn chế được các hành vi trục lợi, góp phần củng cố độ tin cậy cho các nhà đầu tư.

(Tiếp theo trang 21 - Chức năng của xung đột xã hội)

cuộc xung đột xã hội đại loại như vậy mà lịch sử xã hội loài người đã từng chứng kiến, ở những mức độ khác nhau đều góp phần làm xuất hiện những công cuộc cải tạo tiến hóa và thoái hóa trong đời sống xã hội tương ứng. Tuy nhiên, chỉ có thể đánh giá được các kết quả của cuộc xung đột sau khi nó đã xảy ra và lùi vào quá khứ, bởi vì chỉ trong hoàn cảnh tâm trạng bình lặng, thoải mái mới có thể nghĩ suy về mức độ tiến bộ của cuộc xung đột đó.

Chức năng tích cực và chức năng tiêu cực cho phép xem xét xung đột xã hội từ một góc độ tiếp cận: tiếp cận mặt tích cực khách quan của xung đột và từ góc độ tiếp cận khác: tiếp cận mặt tiêu cực của xung đột. Khi đánh giá xung đột xã hội nhìn từ quan điểm của nguyên tắc "tuyệt đối" cần nhấn mạnh rằng, xung đột xã hội không bao giờ được "cân bằng" một cách tuyệt đối bởi mức độ tiêu cực và mức độ tích cực của nó. Với cách hiểu đó, có thể khắc phục được cách tiếp cận mang tính chất giáo điều cũng như

cách tiếp cận mang tính chất trung dung đối với việc đánh giá các cuộc xung đột xã hội.

Có thể coi là giáo điều cách tiếp cận hay quan điểm, theo đó xung đột xã hội được đánh giá hoặc là tích cực hoặc là tiêu cực. Trong khi đó có thể coi những quan điểm của chủ nghĩa thực dụng và của thuyết ý chí nhìn nhận xung đột từ những lợi ích hiện tại của các bên hoặc từ đặc lợi của một bên xung đột, là quan điểm hay cách tiếp cận tương đối.

Nhìn chung, cuộc xung đột xã hội thực hiện chức năng tích cực khi góp phần thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Thế nhưng kể cả khi cuộc xung đột trên thực tế góp phần thực hiện điều đó, thì cũng phải tính đến những thiệt hại mà ở mức độ nhiều hay ít xã hội buộc phải gánh chịu. Những thiệt hại đó liên quan đến cả lĩnh vực vật chất, lẫn cả lĩnh vực tinh thần. Từ đó có thể thấy rằng, chúng ta không nên bỏ qua tình tiết là mỗi một cuộc xung đột luôn luôn mang một chức năng tiêu cực và chức năng nào đó.